

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 12/10/2018.

V/v: Ly hôn; tranh chấp
nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Đăng Huy**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Bích Liên**;

2. Bà **Dương Thị Kim Hồng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thùy Linh** là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà **Phạm Thị Quyên** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2018/TLST-HNGĐ ngày 30/7/2018 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 72/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị T**, sinh ngày 25/5/1988.

Địa chỉ cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn S, xã Đ, thị xã L, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Cộng hòa Síp.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Phạm Thị P**, sinh năm 1965.

Địa chỉ cư trú: Thôn N, xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh **Vũ Đức D**, sinh năm 1981.

Địa chỉ cư trú: Thôn S, xã Đ, thị xã L, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Vũ Thị T và người đại diện theo ủy quyền của chị T là bà Phạm Thị P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh D tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, ngày 28/4/2008 đăng ký tại UBND xã Đ, thị xã L. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong phát triển kinh tế. Cuối năm 2010 chị T đi lao động tại Cộng hòa Síp nên vợ chồng ly thân từ đó. Đến nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh D cũng đã có cuộc sống mới với người phụ nữ khác nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Vũ Đức A, sinh ngày 03/3/2009, hiện đang ở với anh D. Khi ly hôn chị T đề nghị giao con chung cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chị T sẽ cấp dưỡng cho con chung 10.000.000đ/năm.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chi phí giám định: Chị T tự nguyện chịu cả chi phí giám định, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Vũ Đức D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T quen nhau vào năm 2006 khi cả hai đang lao động ở Đài Loan. Anh chị tìm hiểu nhau khoảng 02 năm, sau khi về Việt Nam thì đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, thị xã L vào ngày 28/4/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ở nhà anh D tại xã Đ, thị xã L. Khoảng tháng 10/2010 chị T đi lao động tại Cộng hòa Síp đến năm 2013 thì về. Thời gian này vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Năm 2014 chị T lại tiếp tục sang Cộng hòa Síp lao động không về, vì vậy nên mâu thuẫn không được giải quyết, vợ chồng dần dần không liên lạc với nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị T xin ly hôn thì anh đồng ý.

- Về quan hệ con chung: Anh chị có 01 con chung là Vũ Đức A, sinh ngày 03/3/2009, hiện đang ở với anh D. Khi ly hôn anh nhất trí trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành và chị T cấp dưỡng cho con chung 10.000.000đ/năm.

- Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn là Vũ Thị T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của chị T là bà Phạm Thị P có mặt, trình bày chị T vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị HĐXX giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Đức D và giao con chung cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chị sẽ cấp dưỡng tiền nuôi con 10.000.000đ/năm.

Bị đơn là anh Vũ Đức D có mặt, trình bày anh đồng ý ly hôn với chị T và nhất trí trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị T có trách nhiệm cấp dưỡng 10.000.000đ/năm.

Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, trong thời hạn chuẩn bị xét xử đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa cũng như những người tham gia tố tụng cơ bản tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX giải quyết cho chị Vũ Thị T được ly hôn với anh Vũ Đức D và công nhận sự thỏa thuận giữa chị T và anh D về việc anh D là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Vũ Đức A, chị T cấp dưỡng tiền nuôi con 10.000.000đ/năm. Chị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

- Chị Vũ Thị T là người Việt Nam hiện đang sinh sống tại Cộng hòa Síp, có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Vũ Đức D. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Trong các văn bản do chị T gửi về, đơn xin ly hôn chưa được hợp pháp hóa lãnh sự nhưng Tòa án đã tiến hành giám định chữ ký, chữ viết so với chữ ký, chữ viết của chị T có trong giấy đăng ký kết hôn và tài liệu hồ sơ vụ án và được xác định là cùng một người ký ra nên công nhận các tài liệu này là hợp pháp.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa chị T vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt và có người đại diện tham gia phiên tòa nên HĐXX căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 228 BLTTDS năm 2015, xét xử vắng mặt chị T là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh D tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, có đăng ký ngày 28/4/2008 tại UBND xã Đồng Lạc nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Chị T trình bày do khó khăn về kinh tế nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cuối năm 2010 chị đi lao động tại Cộng hòa Síp, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Anh D trình bày chị T đi lao động tại Cộng hòa Síp đến năm 2013 thì về Việt Nam, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong

cuộc sống. Từ năm 2014 chị T quay lại Cộng hòa Síp thì vợ chồng dần dần không còn liên lạc với nhau. Chị T và Anh D đều nhất trí ly hôn.

Xét thấy hôn nhân của chị T và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng ly thân nhiều năm, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị T ly hôn với anh D là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị T và anh D cùng xác định có 01 con chung là Vũ Đức A, sinh ngày 03/3/2009, hiện đang ở với anh D. Khi ly hôn chị T và anh D thống nhất anh D là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị T cấp dưỡng cho con chung 10.000.000đ/năm. Xét thấy thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng của con chung nên cần chấp nhận.

Chị T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở và quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định tại Điều 58, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về chi phí giám định: Chị T tự nguyện chịu cả chi phí giám định, không yêu cầu nên không xét.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 2 Điều 228, Điều 235, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Vũ Đức D.

2. Về quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Vũ Thị T và anh Vũ Đức D về việc anh D là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Đức Anh, sinh ngày 03/3/2009 đến khi trưởng thành, chị T cấp dưỡng cho con chung 10.000.000đ/năm.

Chị Vũ Thị T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở và quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 150.000đ án phí cấp dưỡng, đối trừ với 300.000đ tiền tạm ứng bà Phạm Thị P đã nộp thay tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo biên lai thu số AA/2017/0001580 ngày 20/7/2018. Chị T còn phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), do bà Phạm Thị P nộp thay.

4. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu Tòa.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Bùi Đăng Huy

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Bích Liên

Dương Thị Kim Hồng

Bùi Đăng Huy

